SƯ ĐOÀN 325 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TIỂU ĐOÀN 18 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-TĐ *Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023*

**KẾ HOẠCH**

**TTLL phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Tiểu đoàn 18**

Căn cứ vào chỉ thị số 310 /CT-SĐ ngày 29/3/2023 của Sư đoàn về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023;

Căn cứ vào chỉ lệnh số /CL-PTM ngày / /2023 của Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn.

Căn cứ vào nội dung giao nhiệm vụ PCTT- TKCN số 315 /NV-BCH ngày 30/3/2023 của BCH PCTT- TKCN Sư đoàn năm 2023.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ, biên chế về lực lượng PTTT của Tiểu đoàn.

Tiểu đoàn xây dựng Kế hoạch TTLL Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Tiểu đoàn năm 2023 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT ẢNH HƯỞNG ĐẾN TTLL**

**1. Tình hình chung**

Những năm gần đây tình tình thiên tai mưa, bão diễn biến hết sức phức tạp. Trên địa bàn Tiểu đoàn đảm nhiệm PCTT-TKCN năm 2022 mặc dù chưa xảy ra lũ lụt lớn xong thời tiết diễn biến hết sức phức tạp.

Năm 2023 theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thuỷ văn Quốc gia do tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết, khí hậu tiếp tục diễn biến rất phức tạp, cực đoan và khó lường. Dự báo mùa mưa bão năm 2023 đến sớm, có khoảng 11- 13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực Biến đông và trong đó có khoảng 5-6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Nắng nóng sẽ ở mức nhiều và gay gắt hơn năm 2022. Đòi hỏi lực lượng thông tin phải chuẩn bị nhiều phương án PCTT-TKCN khi tình huống xảy ra.

**2. Tình hình ta**

- Tiểu đoàn thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN trên địa bàn rộng gồm 5 tỉnh, TTLL phải tổ chức nhiều phương án, bố trí nhiều lực lượng phương tiện khí tài. Thông tin liên lạc phải triển khai trong thời gian gấp, địa bàn không quen thuộc, ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ triển khai thông tin HTĐ và thông tin Quân bưu; đòi hỏi cán bộ chiến sỹ TTLL phải thường xuyên luyện tập thuần thục các yếu lĩnh động tác, các phương án, kịp thời xử trí, ứng phó khi tình huống sảy ra.

- Thông tin quân sự ở 1 số địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào thông tin bưu điện, khí tài VTĐ còn chưa đồng bộ; gây khó khăn khi tiếp hợp kĩ thuật và hiệp đồng thông tin.

**3. Tình hình địa bàn thời tiết**

- Địa hình nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ là địa hình trung du và đồng bằng, nhiều sông lớn gây khó khăn cho việc triển khai bảo đảm thông tin HTĐ. Có nhiều khu công nghiệp, nhiều nhà cao tầng, ảnh hưởng đến cự ly liên lạc VTĐscn.

- Thời tiết mưa gió, bão lũ độ ẩm cao gây ảnh hưởng đến chất lượng khí tài.

**4**. **Các khu vực đơn vị bảo đảm**

- Huyện Lục ngạn, Sơn Động - Tỉnh Bắc Giang.

- TP Bắc Ninh, huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thuận Thành\_ Gia Bình\_ Lương Tài- Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thanh Hà- Tỉnh Hải Dương.

- Huyện Văn Giang-Tỉnh Hưng Yên.

- Huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn- Tỉnh Lạng Sơn.

**II. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, BẢO ĐẢM TTLL CỦA TIỂU ĐOÀN**

1. Duy trì và đảm bảo mạng thông tin liên lạc tại SCH thường xuyên của Sư đoàn thông suốt phục vụ sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị tại vị trí đóng quân.

2. Tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc cho Sư đoàn chỉ huy các lực lượng cơ động tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo các phương án của Sư đoàn.

3. Bảo đảm cho Sư đoàn liên lạc với trên, hiệp đồng với địa phương, Quân khu 1,3, các đơn vị bạn trong khu vực đảm nhiệm.

4. Bảo đảm chuyển nhận kịp thời các tín hiệu TBBĐ.

5. Bảo đảm TTLL chỉ huy chỉ đạo công tác HC-KT.

**III. SỬ DỤNG, BỒ TRÍ TRIỂN KHAI LƯỢC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**PHẦN I: HỆ THỐNG TTLL CỐ ĐỊNH:**

**1. Tổng trạm TT, trạm TT:**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai ( 64.66.9) huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang hoạt động 24/24h.

**2. Tổ chức các đường LL VTĐ, HTĐ, QB bảo đảm cho chỉ huy, hiệp đồng,TBBĐ:**

**a) Thông tin VTĐ**

\* LL với trên

- Hướng định giờ số 01 của SCHtx/qđ với f325, LL báo bằng VRU-611 ngày 08 phiên (07.00 -10.00 -16.00 - 20.00 và 12.30 - 14.40 - 18.30 - 21.40) theo quy ước LLtx.

- Mạng số 10 của SCHtx/qđ với f325, TQS, Lu203, lu164, lu673 bằng máy VRU-812 liên lạc thoại 24/24 giờ theo quy ước LLtx.

- Hướng định giờ (VC) số 05 của SCHtx/qđ với eBB95 (eBB18, eBB101) LL báo bằng VRU-611 ngày 04 phiên (06.30 - 17.00 và 09.40 - 21.50), chế độ liên lạc (báo + thoại) theo quy ước thường xuyên.

*\* Trung đoàn nào trực chiến thì làm việc với quân đoàn theo hướng vượt cấp trên (Lấy quy ước eBB95)*

- Mạng số 11 TBBĐ của SCHtx/qđ: 24/24 giờ.

- Mạng số 12 canh của SCHtx /qđ: 24/24 giờ.

- Mạng số 13,14 VTĐscn của SCHtx /qđ với các đơn vị: 24/24 giờ.

\* LL với dưới

- Hướng định giờ số 01, 02, 03 của SCHtx/f325 liên lạc với 3eBB bằng máy VRU-611: với eBB95 ngày 02 phiên (08.00 – 15.00), với eBB101 ngày 03 phiên (09.00 - 12.00 - 16.00), với eBB18 ngày 03 phiên (07.30 - 14.00 - 22.00) theo quy ước LLtx.

- Mạng số 04 VTĐscn của SCHtx/f với 3eBB : 24/24h.

- Mạng số 05 VTĐscn của SCHtx/f với các TĐPK/3eBB + d16 : 24/24h.

**b) Thông tin HTĐ**

- Liên lạc 24/24, tăng cường tuần tra các tuyến cáp, đặc biệt là tuyến cáp đi eBB18, eBB95. Kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Tăng cường nhân viên trực trên tổng trạm TT những đồng chí có trình độ chuyên môn giỏi.

**c) Thông tin QB**

Duy trì bảo đảm nghiêm túc, tổ chức giao nhận chặt chẽ, tăng cường lực lượng đi hướng, khi có công văn tổ chức chuyển kịp thời.

**PHẦN II: CƠ ĐỘNG, TRIỂN KHAI BẢO ĐẢM TTLL PCTT-TKCN Ở CÁC KHU VỰC:**

**A – TRIỂN KHAI CÁC TỔNG TRẠM, TRẠM TT:**

**1. Tổ chức các Tổng trạm TT, trạm TT**

**a) Tại khu vực huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai (64.66.9) hoạt động 24/24h

**b) Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

- SCH/eBB18:

+ SCHct/eBB18: UBND TT An Châu

+ SCHdb/eBB18: Gốc Thau/Cẩm Đàn

- T4/SCHct/f tại: UBND TT An Châu

**c) Tại khu vực huyện Văn Giang– tỉnh Hưng Yên**

- SCH/eBB18:

+ SCHct/eBB18: UBND xã Xuân Quan/Văn Giang

+ SCHdb/eBB18: Trường THCS/TT.Văn Giang - Hưng Yên

- T4/SCHct/f tại: UBND xã Xuân Quan/Văn Giang

**d) Tại khu vực huyện thanh Hà – tỉnh Hải Dương**

- T4SCH/f + eBB18 tại : Lai Xá - Thanh Thuỷ - Thanh Hà - HD (08.50.1)

Sẵn sàng cơ động ứng cứu trên địa bàn huyện Kim Thành, Nam sách, tỉnh Hải Dương.

**e) Tại khu vực huyện Hữu Lũng, Thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn)**

**-** T4SCHct/f tại : Ga Sông Hoá - Hữu Lũng (84.56.6)

**-** T4SCHdb/f tại Ban CHQS TP.Lạng Sơn (Phường Chi Lăng) (94.62.1), Ban CHQS huyÖn Cao Léc.

f) Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh

- T4SCHct/f tại: §ång V¨n - H. ThuËn Thµnh- Bắc Ninh (30.10.8).

- T4SCHct/eBB95 tại: Thôn Trung Thành- Đại La- H.Gia Bình- Bắc Ninh (32.24.9).

- T4SCHdb/f tại: Trung Kªnh - H.L­ư¬ng Tµi - Bắc Ninh (26.34.1).

**g) Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND Phư­êng Khóc Xuyªn - Thành Phố Bắc Ninh(42.08.9).

**h) Tại khu vực huyện Quế Võ - Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND x· Bằng An- H.Quế Võ-BN (40.20.1).

- T4SCH/e101 tại: UBND x· QuÕ T©n – H.Quế Võ - BN (40.22.4).

**2. Tổ chức các đường TT**

**a) Tại khu vực Lục Ngạn (tỉnh Bắc Giang)**

**\* Thông tin VTĐ**

*Tại T4SCHtx/f*

- Hướng số 01 SCHtx/f LL với SCHcđ/e18 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 02 SCHtx/f LL với d14 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 03 SCHtx/f LL với d16 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 04 SCHtx/f LL với dBB7, bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

**b) Tại khu vực huyện Sơn Động (tỉnh Bắc Giang)**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các cBB, dBB9/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

\* Thông tin HTĐ

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f)

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**c) Tại khu vực huyện Văn Giang (tỉnh Hưng Yên)**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các cBB, dBB7/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**\* Thông tin HTĐ**

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f)

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**d) Tại khu vực huyện Thanh Hà- tỉnh Hải Dương**

\* Thông tin VTĐ

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB8/eBB18, c17/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

***+ Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**\* Thông tin HTĐ**

**+ *Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f)

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**e) Tại khu vực huyện Kim Thành- tỉnh Hải Dương**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ liên lạc: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00 - 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống dBB9/eBB18 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**\* *Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**\* Thông tin HTĐ**

**+ *Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f)

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00).

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**f) Tại khu vực huyện Nam Sách- tỉnh Hải Dương**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các c14, c15,c17/eBB18 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại.

***+ Liên lạc hiệp đồng***

- Mạng HĐ số 01 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Mạng HĐ số 02 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

**\* Thông tin HTĐ**

**+ *Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f).

**\* Thông tin QB**:Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00).

**\* Thông tin TH**: Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**g) Tại khu vực khu vực huyện Hữu Lũng, thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn**)

**a. Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 01 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203, e219, eBB95 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB95 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03/f (số 03/qđ) xuống các c14,15,16/eBB95 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại.

**\* Thông tin HTĐ**

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB95

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f)

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**\* Thông tin TH**: Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**h) Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-611 tham gia mạng số 01 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325, L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại USB + báo CW Giờ LL: đầu giờ lẻ (07.00- 23.00) sẵn sàng LL 24/24 giờ. (SCHcđ/e95 sẵn sàng tham gia liên lạc trong mạng)

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 02 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325,L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h(SCHcđ/e95 sẵn sàng tham gia liên lạc trong mạng)

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 06 VTĐsn và số 07 VTĐscn.

***+ Liên lạc với dưới***

- Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS huyện Gia Bình bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

-Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB95 ở các huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Vượt cấp số 04,05,06 của f (VC số 03/qđ) xuống các đơn vị/e95 ở Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h

**\* Thông tin HTĐ**

**+ *Tại SCHcđ/f (Thuận Thành)***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB95(Thuận Thành).

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (Thuận Thành): CH/f, Cq/f, TBTC/f.

**\* Thông tin QB**: Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00).

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**i) Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 17 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, TQS, Lữ164, SCHcđ/e101, LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 18 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, SCHcđ/f325, Lữ 203, Lữ 219 , LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU- 812 tham gia mạng số 01 của qđ liên lạc với SCHcđ/f325, TQS, Lữ164 và TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 02 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB101 và BCHQS TP Bắc Ninh (dk) bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f xuống dBB3, c18,c24, c25/eBB101 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 04 của SCHcđ/f (VC số 02/qđ) xuống d14,15,16,17,18/f bằng máy VRH-812, LL chế độ thoại 24/24h.

**\* Thông tin HTĐ**

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB101.

- Triển khai đường dây đến các d14, d15, d16, d17/f.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f).

**\* Thông tin QB**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00).

**\* Thông tin TH:**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**k) Tại khu vực huyện Quế Võ- Bắc Ninh**

**\* Thông tin VTĐ**

***+ Liên lạc với trên***

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 17 của BTTM liên lạc với SCHcđ/qđ, TQS, Lữ164, SCHcđ/e101, LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 18 của BTTM liên lạc với SCHcđ/f325, Lữ 203, 219 (dk có SCH/qđ tham gia), LL chế độ thoại 24/24h.

- Đặt máy VRU-812 sẵn sàng tham gia mạng số 05 của quân đoàn liên lạc với SCHcđ/e101, Lữ 203, 219 và TCCH/qđ - H.Quế Võ) qua TGCT, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới***

-Hướng định giờ số 01 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên.

- Vượt cấp số 02 của SCHcđ/f xuống các cTT 14, 15,16, 17, 20/eBB101 bằng máy VRH-811S, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 03 của SCHcđ/f (VC số 06/qđ) xuống các dBB1,2,3/eBB101 bằng máy VRU-812S, LL chế độ thoại 24/24h.

**\* Thông tin HTĐ**

***+ Tại SCHcđ/f* .**

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB101.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBTC/f).

**\* Thông tin QB**: Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00).

**\* Thông tin TH**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**IV. CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI GIỮ VỮNG TTLL**

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho 100% cán bộ, chiến sỹ trong cơ quan, đơn vị nhận thức rõ việc PCTT - TKCN là trách nhiệm của mọi người, của toàn xã hội. Đây là nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chiến đấu của Quân đội trong thời bình.

- Tổ chức luyện tập, hợp luyện thành thục các động tác triển khai và bảo đảm TTLL trong điều kiện thiên tai, thảm hoạ bão lũ sảy ra .

- Tổ chức tuần tra canh gác bảo vệ các trạm, tuyến thông tin trọng yếu, bảo đảm hệ thống TTLL thông suốt trong mọi tình huống, chống các hành vi phá hoại hệ thống thông tin của đơn vị.

- Tổ chức tăng phiên ca hợp lý, tăng người và phương tiện thông tin để giữ vững thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Tập trung đảm bảo cho hướng các đơn vị làm nhiệm vụ của phương án.

- Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với chính quyền địa phương, lực lượng thông tin qk1, qk3, lực lượng thông tin địa phương trên địa bàn, bảo đảm TTLL theo từng giai đoạn, khu vực.

- Duy trì nghiêm chế độ bảo quản, bảo dưỡng; thường xuyên kiểm tra số lượng, chất lượng, hệ số kỹ thuật các trang thiết bị, khí tài thông tin, đặc biệt là nguồn điện, ắc quy, pin (có cơ số dự phòng) bảo đảm luôn ở trạng thái tốt, có biện pháp chống ẩm ướt cho các phương tiện làm việc ngoài trời như túi ni lông bọc máy khi thời tiết mưa, ẩm ...; khi cơ động phải bảo đảm ít nhất có 3 nguồn cho máy VTĐ và máy phát điện quay tay.

- Quy ước, mật danh, kế hoạch và các giấy tờ liên quan phải ép Platic hoặc bọc trong túi ni lông tránh bị ướt, rách.

- Có lực lượng dự bị hợp lý, kịp thời xử trí các tình huống đột xuất. sau khi lực lượng thông tin cơ động đi làm nhiệm vụ, đơn vị phải tổ chức ngay lực lượng thông tin dự bị mới sẵn sàng đi làm nhiệm vụ tiếp theo khi có lệnh.

**V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỘC QUYỀN**

**1 -Tại khu vực huyện Lục Ngạn – Bắc Giang**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 04đ/c (VTĐsn = 1 đ/c, VTĐscn = 03 đ/c). Phương tiện : máy VRU-812= 03 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Đại đội 2 quân số = 5 đ/c

- Duy trì mạng Thông tin hiện hành và tận dụng mạng TT bưu điện để LL khi điều kiện cho phép (số máy điện thoại bưu điện của tổng đài Sư đoàn 0240.3882.256*)*

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**2 -Tại khu vực huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang**

***a- Đại đội 1:***

-Quân số = 04 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRU-812= 05 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c ( HTĐ = 05 đ/c). Phương tiện : Máy ĐTnc = 6 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**3 -Tại khu vực huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 04đ/c ( VTĐsn= 02 đ/c, VTĐscn= 02 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRU-812= 07 bộ, visat mang vác=01 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB101 và các lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc = 10, máy ĐT*tđ* = 04, T/đài 20 số = 01, dây = 08 km có nhiệm vụ bảo đảm TTLL bằng phương tiện HTĐ cho sư đoàn chỉ huy eBB101 và các lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ PCTT và tìm kiếm cứu nạn như sau:

***c -aTTQB:***

- Quân số = 1đ/c ( QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**4 -Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 04 đ/c ( VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611 = 03 bộ, máy VRU-812 = 04 bộ, Visat= 01 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB101 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc =06 chiếc , máy ĐTtđ= 04 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây= 08 km có nhiệm vụ bảo đảm TTLL bằng phương tiện HTĐ cho sư đoàn chỉ huy eBB101 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**5 - Tại khu vực huyện Gia Bình– Lương Tài– Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 04 đ/c ( VTĐsn = 02đ/c, VTĐscn = 02 đ/c); Phương tiện : Máy VRU-611 = 04 bộ, máy VRU-812 = 06 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB95 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc = 09 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 08 km, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB95 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**6-Tại khu vực huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 4 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c ). Phương tiện : Máy VRU-611= 05 bộ, máy VRU-812= 04 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện: Máy ĐTnc = 06 chiếc, máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**7 -Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

***a- Đại đội 1:***

*-* Quân số = 04 đ/c (VTĐsn = 02đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : máy VRU-611= 03 máy, Máy VRU-812= 05 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc = 06 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 06 km có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**8 -Tại khu vực huyện Hữu Lũng –T.p Lạng Sơn- tỉnh Lạng Sơn.**

***a- Đại đội 1:***

Quân số = 04 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRU-812= 04 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc = 06 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km bộ nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ HIỆP ĐỒNG, BẢO ĐẢM**

- Các Chỉ thị, kế hoạch TTLL, quy ước mật danh phải quản lý chặt chẽ, khí tài các phương án phải đồng bộ, bảo đảm kỹ thuật tốt.

- Chiến sĩ TT trước khi thực hiện nhiệm vụ phải có trình độ bơi khá và tốt, trang bị đầy đủ theo chuyên ngành, mang đầy đủ nilon bọc máy, địa chỉ và số điện thoại liên lạc (khi cần).

- Sử dụng mật ngữ QĐ87, khí tài HTĐ mới (VBS20-19, VTA-19) khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nhận tài liệu, quy ước, khí tài bổ sung tại Tiểu đoàn trước khi đi thực hiện nhiệm vụ.

- Tại các khu vực thực hiện nhiệm vụ theo các phương án các đơn vị tổ chức triển khai thông tin đồng loạt. Đại đội 2 bảo đảm triển khai đường dây đến đầu mối đơn vị và bàn giao như trong kế hoạch.

**VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY**

**1.Vị trí chỉ huy**

- VTCHtx Tiểu đoàn 18 tại thị chấn Chũ (64.66.8)

- VTCH/d khi bảo đảm TTLL theo các phương án tại khu vực trùng với SCH của f cụ thể như sau:

- Tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh SCH/f : Bằng An- Quế Võ- Bắc Ninh (40.20.1)

- Khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận thành – Bắc Ninh SCH/f thôn Trung Thành - Đại La - Gia Bình - Bắc Ninh (32.24. 9)

- Tại khu vực huyện Thanh Hà - Hải Dương SCH/f Tại Lai Xã- Thanh Thủy Thanh Hà- Hải Dương (08.50.1)

- Khu vực tỉnh Hưng Yên SCH/f, Trường THCS/ TT Văn Giang- Hưng Yên ( 16.94.4).

- Khu vực huyện Thanh Trì -TP Hà Nội SCH/f tại Trường THCS Tả Thanh Oai (16.84.7).

- Khu vực tỉnh Lạng Sơn SCH/f) tại Ga sông Hóa- Chi Lăng (84.56.6).

- Khu vực huyện Sơn Động ( Bắc Giang ) tại Dốc Lẩy- Cẩm Đàn (63.82.7).

**2. Phân công chỉ huy**

- Chỉ huy lực lượng chống dột, chống sập tại trạm nước của sư đoàn và phòng, chống thiên tai và TKCN tại đơn vị: Đ/c Tiểu đoàn trưởng.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại vị trí đóng quân thường xuyên đ/c Tiểu đoàn trưởng.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh: đ/c bt/b4/c2.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thành phố– Bắc Ninh: đ/c ct/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Lương Tài – Gia Bình – Thuận Thành; đ/c bt/b1/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thanh Hà - Hải Dương : đ/c bt/b2/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Văn Giang Hưng Yên : đ/c bt/b5/c2.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Sơn Động Bắc Giang: đ/c bt/b3/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn : đ/c cp/c2.

**VIII. CÁC MỐC THỜI GIAN**

1. Thời gian xây dựng kế hoạch TTLL xong trước: ngày 10/4/2023

2. Giao nhiệm vu cho cho các đơn vị: ngày 10/4/2023

3. Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị: ngày 15/4/2023

4. Từ ngày 01/5/2023 sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện thông tin đi thực hiện nhiệm vụ.

5. Báo cáo tình hình TTLL hàng ngày từ 14.00 – 14.30 về TBTT/f.

**IX. MỘT SỐ QUY ĐỊNH**

1. Chấp hành nghiêm một số quy định trong TTLL, tín hiệu liên lạc vượt cấp của đài BTTM là: *"909"*;của Quân đoàn là*"Sông Hồng";* của Sư đoàn là *”Sông Cầu”.*

2. Các quy ước, mật ngữ VTĐ, danh bạ phải được ép, bọc ni lông tránh mưa ướt; đáp ứng nhiệm vụ TTLL trong mọi điều kiện thời tiết.

3. Khi thông tin quân sự gặp khó khăn các đơn vị có thể sử dụng di động cá nhân kịp thời báo cáo tình hình hình với cấp trên và chỉ huy đơn vị cấp dưới.

4. Chế độ báo cáo: Khi thực hiện nhiệm vụ xong các đơn vị tổng hợp tình hình bảo đảm TTLL PCTT-TKCN báo cáo về Phòng Tham mưu (qua Ban Thông tin). Khi có tình huống thiên tai có ảnh hưởng hoặc trực tiếp xảy ra trên địa bàn phải báo cáo ngay về trực ban Thông tin Sư đoàn *(số máy 845117).*

**X. CÁC PHỤ LỤC**

- Phân chia sử dụng lược lượng.

- Lịch vận hành thông tin quân bưu.

|  |
| --- |
| **TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG**  **Đại úy Nghiêm Đức Cảnh** |

**PHÂN CHIA SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**KHI ĐỒNG THỜI XẢY RA TRÊN CÁC ĐỊA BÀN**

| **Đơn vị** | **Nhiệm vụ triển khai** | **Thời gian** | | | **VTĐ** | | | | | **HTĐ** | | | | | **MÁY NỔ** | **QB** | | **QUÂN SỐ** | | | | **CHỈ HUY** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hành quân** | **Triển khai** | **H. thành** | **XD- D9B1** | **VRU 611** | **M. Thu** | **VRU 812** | **VRP 811A** | **TĐ 20 số** | **MĐT nc** | **MĐT tđ** | **Dây (km)** | **VISAT** | **Xe đạp** | **SPH** | **+** | **SQ** | **CN** | **HSQ**  **- CS** |
| c1 | Lục ngan-Bắc Giang |  |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Văn Dũng |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |  | 5 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **10** | **1** | **1** | **8** |  |
| c1 | Sơn Động- Bắc Giang |  |  |  |  | 3 |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 | 1 | 2 | Phạm Văn Đạt |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 5 |  | 1 | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **5** |  | **1** | **6** | **1** | **4** |  |  |  | **2** | **10** | **1** | **2** | **7** |  |
| c1 | Quế Võ- Bắc Ninh |  |  |  |  | 3 |  | 7 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 4 | 1 | 1 | 2 | Hồ Hồng Phong |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 10 | 4 | 8 |  |  |  |  | 5 |  | 1 | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **7** |  | **1** | **10** | **4** | **8** | **1** |  |  | **2** | **10** | **1** | **2** | **7** |  |
| c1 | T.p- Bắc Ninh |  |  |  |  | 3 |  | 4 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 4 |  | 1 | 3 | Phạm Văn Dương |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 4 | 8 |  |  |  |  | 5 | 1 | 1 | 3 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **4** |  | **1** | **6** | **4** | **8** | **1** |  |  |  | **10** | **1** | **2** | **7** |  |
| c1 | G.Bình, L.Tài, T.Thành |  |  |  |  | 4 |  | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 |  | 3 | Nguyễn Viết Hùng |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 9 | 1 | 8 |  |  |  |  | 5 |  | 1 | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **4** |  | **3** |  | **1** | **9** | **1** | **8** |  |  |  |  | **10** | **1** | **1** | **8** |  |
| c1 | Thanh Hà- Hải Dương |  |  |  |  | 5 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 |  | 3 | Đỗ Anh Tuyền |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 5 | 1 |  | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **5** |  | **4** |  | **1** | **6** | **1** | **4** |  |  |  | **2** | **10** | **2** |  | **8** |  |
| c1 | Văn Giang-Hưng Yên |  |  |  |  | 3 |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  | 1 | 3 | Võ Đức Mạnh |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 6 |  |  |  |  | 6 | 1 |  | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **5** |  | **1** | **6** | **1** | **6** |  |  |  | **2** | **10** | **1** | **1** | **8** |  |
| c1 | Hữu Lũng- Tp. Lạng Sơn |  |  |  |  | 3 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  | 1 | 3 | Phan Đình Nam |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 5 | 1 |  | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **4** |  | **1** | **6** | **1** | **6** |  |  |  | **2** | **10** | **1** | **1** | **8** |  |

SƯ ĐOÀN 325 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TIỂU ĐOÀN 18 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TĐ *Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của dTT18**

**SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**

*Căn cứ vào kế hoạch số /KH – PTM ngày /03/2023 của PTM Sư đoàn về công tác phòng,chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023;*

*Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ của Tiểu đoàn;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch số /KH-TĐ ngày tháng 4 năm 2023 của Tiểu đoàn 18 về việc bảo đảm TTLL phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023.

**Điều 2.** Đồng chí Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban TT/PTM;  - C1, C2;  - Lưu TĐ. K06. | **TL. SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**  **KT. THAM MƯU TRƯỞNG**  **PHÓ THAM MƯU TRƯỞNG** |